

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2019

BẢN TIN TUẦN
DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC VÀ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG NƯỚC
PHỤC VỤ CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẤP NƯỚC CHO SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP
TRÊN LƯU VỰC DÒNG CHÍNH SÔNG ĐỒNG NAI, VÙNG ĐÔNG NAM BỘ
NĂM 2019

(Tuần từ ngày 17 tháng 5 năm 2019 đến ngày 23 tháng 5 năm 2019)

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

1. Lượng mưa

Theo số liệu từ Đài KTTV Nam Bộ, kết quả lượng mưa quan trắc được tại các trạm trong tuần qua như sau:

Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
			TBNN	Năm 2018	Năm 2017	
Biên Hòa	34,6	251,7	+ 22,3	+ 4,9	- 40,1	51,1
Long Thành	54,4	136,8	- 26,2	+ 36,3	- 58,3	55,4
Tà Lài	95,5	297,3	- 9,4	+ 63,9	- 28,6	65,7
Vũng Tàu	63,4	101,6	- 21,3	+ 81,1	- 55,8	47,4
Trị An	174,7	492,3	+ 136,5	+ 140,7	+ 94,0	93,7
Túc Trưng	134,1	414,9	+ 54,4	+ 96,9	+ 0,6	68,5
Trung bình	92,8	282,4	+ 26,1	+ 53,1	- 14,7	63,6

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét:

Lượng mưa lũy tích các trạm đo chính trên khu vực cao hơn TBNN 26,1%, cao hơn năm 2018 là 53,1% và thấp hơn 14,7% so với năm 2017. Lượng mưa lớn nhất trong tuần tại trạm Trị An (174,7 mm) và lượng mưa nhỏ nhất trong tuần trạm Biên Hòa (34,6 mm). Lượng mưa trung bình dự báo trong giai đoạn tiếp theo là khoảng 63,6 mm, có xu hướng thấp hơn trung bình nhiều năm cùng thời kỳ. Nhiệt độ trung bình dự báo phổ biến ở mức cao hơn TBNN cùng thời kỳ.

2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Vọng	4	0,64	15,99	+ 17,2	- 3,1	- 12,4	Giảm	57,04
Hồ Gia Ui	10,8	2,69	24,93	- 3,5	- 18,9	- 35,2	Giảm	56,57
Hồ Núi Le	3,5	1,23	35,01	- 24,9	- 40,8	- 44,3	Giảm	68,84
Hồ Suối Đầm	1,2	0,83	69,38	+ 46,3	+ 63,2	+ 29,9	Giảm	91,25

Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m ³)	Dung tích trữ hiện tại (triệu m ³)	W trữ hiện tại so với W _{tk} (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo xu thế nguồn nước	Dự kiến W trữ cuối vụ (%)
				TBNN	2018	2017		
Hồ Suối Răng	2,6	1,75	67,16	+ 113,6	+ 121,0	+ 122,0	Giảm	52,33
Hồ Giao Thông	0,5	0,15	30,00	- 3,8	- 2,7	- 18,9	Giảm	45,68
Hồ Sông Mây	15	7,04	46,91	+ 22,5	- 4,4	- 10,8	Giảm	50,47
Hồ Mo Nang	1,15	0,29	25,60	- 15,1	- 13,4	- 1,9	Giảm	88,57
Hồ Suối Đồi	1,2	0,94	78,18	+ 60,6	+ 44,3	+ 69,7	Giảm	94,55
Hồ Cầu Mới tuyến V	9	1,87	20,78	- 40,0	- 32,0	- 63,4	Giảm	66,22
Hồ Cầu Mới tuyến VI	21	5,00	23,80	- 44,6	- 44,8	- 53,8	Giảm	50,38
Hồ Suối Tre	0,64	0,45	70,28	- 9,7	- 25,0	- 25,0	Giảm	99,22
Hồ Đa Tôn	19,4	2,59	13,34	- 40,8	- 34,7	- 52,1	Giảm	94,74
Hồ Bà Long	1,2	0,99	82,19	+ 51,6	- 3,3	+ 124,1	Giảm	64,82
Hồ Thanh Niên	0,6	0,41	68,40	+ 29,0	+ 14,0	+ 18,7	Giảm	78,25
Hồ Sông Ray	215,36	17,47	8,11	- 71,2	- 45,5	- 83,5	Giảm	63,77
Hồ Đá Đen	33,4	14,12	42,29	- 23,5	- 44,1	- 46,1	Giảm	99,88
Hồ Tầm Bó	5,85	0,78	13,34	- 20,9	- 44,3	- 42,6	Giảm	61,96
Hồ Đá Bàn	11,35	1,94	17,06	- 26,8	- 53,5	+ 280,2	Giảm	41,71
Hồ Lò Ô	6	2,96	49,26	+ 24,9	+ 74,9	+ 56,0	Giảm	84,83
Hồ Suối Giàu	12,2	0,58	4,75	- 86,6	- 84,9	- 88,9	Giảm	43,1
Trung bình/Tổng	375,95^(*)	64,70	17,21	- 2,2	- 8,5	+ 5,8		66,34

Ghi chú: “+”, “-” Dung tích trữ tăng, giảm so với cùng kỳ; ^(*): Giá trị tổng.

Nhận xét:

Tổng dung tích trữ thiết kế của các công trình trên khu vực là 375,95 triệu m³. Nguồn nước trong các hồ chứa tính đến thời điểm ngày 16/05/2019 xuống thấp hơn DTTK, tổng dung tích trữ hiện tại là 64,70 triệu m³ (đạt 17,21% DTTK). Tổng dung tích trữ các hồ chứa cao hơn so với cùng kỳ năm 2017, thấp hơn cùng kỳ năm 2018 và TBNN. Một số hồ có dung tích trữ thấp dưới 50% DTKK như: hồ Đá Bàn (dung tích trữ chỉ đạt 17,06% DTTK), hồ Sông Ray (8,11% DTTK), hồ Đá Đen (42,29% DTTK), hồ Tầm Bó (13,34% DTTK), hồ Lò Ô (49,26%DTTK) và hồ Suối Giàu (4,75% DTTK) thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hồ Suối Vọng (15,99% DTTK), hồ Đa Tôn (13,34% DTTK), hồ Cầu Mới tuyến V (20,78%), hồ Cầu Mới tuyến VI (23,8% DTTK), hồ Gia Ui (24,93% DTTK), hồ Núi Le (35,01% DTTK), hồ Mo Nang (25,6% DTTK), hồ Giao Thông (30,0% DTTK) và hồ Sông Mây (46,91% DTTK) thuộc tỉnh Đồng Nai.

II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC

1. Khả năng cấp nước

a. Kế hoạch sử dụng nước

Theo kết quả tính toán, tổng nhu cầu nước theo kế hoạch sản xuất tháng 5 của vụ Hè Thu năm 2019 của 21 hồ chứa lớn và vừa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) là **21,26** triệu m³.

TT	Tên hồ chứa	Vụ Hè Thu năm 2019
----	-------------	--------------------

		Diện tích sản xuất vụ Đông Xuân (ha)				Nhu cầu nước tưới tháng 5 cho vụ Hè Thu (10^6 m^3)
		Lúa	Rau màu	Cây CNDN	Thủy sản	
Tổng cộng		6.363,0	1.229,0	1.263,0	330,6	21,26
1	Hồ Suối Vọng			0		
2	Hồ Gia Ui	191,75				0,31
3	Hồ Núi Le					0,12
4	Hồ Suối Đầm					
5	Hồ Suối Răng			50		0,05
6	Hồ Giao Thông					
7	Hồ Sông Mây	396,23	20		320,59	1,54
8	Hồ Mo Nang	36			4	0,09
9	Hồ Suối Đồi	10				0,01
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	39	550		3	2,89
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI					
12	Hồ Suối Tre					
13	Hồ Đa Tôn	850	13		3	1,36
14	Hồ Bà Long	45				0,11
15	Hồ Thanh Niên	45		5		0,11
16	Hồ Sông Ray	2.374,00	521	878		5,04
17	Hồ Đá Đen			300		6,05
18	Hồ Tâm Bó	313				0,46
19	Hồ Đá Bàn	1.570,00				2,22
20	Hồ Lò Ô	106				0,16
21	Hồ Suối Giàu	387	125	35		0,74

b. Dự báo nguồn nước đến hồ chứa

TT	Tên hồ chứa	Dự báo khả năng dòng chảy tới các hồ chứa tháng 5 năm 2019 (10^6 m^3)
1	Hồ Suối Vọng	0,66
2	Hồ Gia Ui	0,9
3	Hồ Núi Le	0,78
4	Hồ Suối Đầm	0,65
5	Hồ Suối Răng	0,54
6	Hồ Giao Thông	0,03
7	Hồ Sông Mây	1,11
8	Hồ Mo Nang	0,06
9	Hồ Suối Đồi	0,08
10	Hồ Cầu Mới tuyến V	1,23
11	Hồ Cầu Mới tuyến VI	1,74
12	Hồ Suối Tre	0,15
13	Hồ Đa Tôn	2,13
14	Hồ Bà Long	0,06
15	Hồ Thanh Niên	0,02
16	Hồ Sông Ray	22,69
17	Hồ Đá Đen	3,08
18	Hồ Tâm Bó	0,38
19	Hồ Đá Bàn	0,45
20	Hồ Lò Ô	0,53
21	Hồ Suối Giàu	0,45

c. Kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình

Dựa vào xu thế mưa một số năm gần đây; kết quả dự báo của Đài KTTV khu vực Nam Bộ; kế hoạch sử dụng nước; và kết quả tính toán cân bằng nước tháng 5 cho vụ Hè Thu, kết quả dự báo tuần từ ngày 17/5/2019 đến ngày 23/5/2019 như sau:

- **21/21 hồ chứa có khả năng đảm bảo cấp nước 100%:** Hồ Suối Vọng, hồ Gia Ui, hồ Núi Le, hồ Suối Đầm, hồ Suối Răng, hồ Giao Thông, hồ Sông Mây, hồ Mo Nang, hồ Suối Đồi, hồ Cầu Mới tuyến V, hồ Cầu Mới tuyến VI, hồ Suối Tre, hồ Đa Tôn, hồ Bà Long, hồ Thanh Niên, hồ Sông Ray, hồ Đá Đen, hồ Tầm Bó, hồ Đá Bàng, hồ Lô Ô, hồ Suối Giàu.

Tên công trình	Dung tích hiện tại so với DTTK (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Hè Thu năm 2019 từ ngày 17/5/2019 đến 23/5/2019			Ghi chú
			Dung tích so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
Hồ Suối Vọng	15,99	0	15,93	100	0	
Hồ Gia Ui	24,93	191,75	22,08	100	191,75	
Hồ Núi Le	35,01	0	34,37	100	0	
Hồ Suối Đầm	69,38	0	69,00	100	0	
Hồ Suối Răng	67,16	50	66,80	100	50	
Hồ Giao Thông	30,00	0	30,00	100	0	
Hồ Sông Mây	46,91	736,82	49,62	100	736,82	
Hồ Mo Nang	25,60	40	25,60	100	40	
Hồ Suối Đồi	78,18	10	77,82	100	10	
Hồ Cầu Mới tuyến V	20,78	592	20,44	100	592	
Hồ Cầu Mới tuyến VI	23,80		20,05	100		
Hồ Suối Tre	70,28	0	70,03	100	0	
Hồ Đa Tôn	13,34	866	11,90	100	866	
Hồ Bà Long	82,19	45	82,19	100	45	
Hồ Thanh Niên	68,40	45	67,65	100	45	
Hồ Sông Ray	8,11	3773	7,11	100	3773	
Hồ Đá Đen	42,29	300	40,75	100	300	
Hồ Tầm Bó	13,34	313	13,12	100	313	
Hồ Đá Bàng	17,06	1570	16,89	100	1570	
Hồ Lô Ô	49,26	106	50,92	100	106	
Hồ Suối Giàu	4,75	547	3,40	100	547	
Trung bình/Tổng	17,21	9.185,57^(*)	16,20	100	9.185,57^(*)	

Ghi chú: ^(*) giá trị tổng.

2. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
			Năm Min	TBNN	Năm Max	
Tà Lài	Mã Đà, Phú Lý – Vĩnh Cửu	363,0	+ 103,6	- 7	- 55	Rủi ro hạn thấp
	Phú Xuân – Tân Phú					
Túc Trưng	Xuân Thiện, Quang Trung – Thông Nhất	483,4	+ 565,8	+ 46,7	- 9,1	Rủi ro hạn thấp
Trị An	Cây Gáo, Đồi 61 – Trảng Bom	586,0	+ 940,8	+ 121	+ 6,2	Rủi ro hạn thấp
Long Thành	Bình Sơn, Bình An, Bàu Cạn – Long Thành	192,2	+ 240,8	- 19,4	- 68,7	Rủi ro hạn thấp
Trung bình		406,1	+ 462,8	+ 35,2	- 31,6	Rủi ro hạn thấp

Ghi chú: “+”, “-” Lượng mưa tăng, giảm so với cùng kỳ.

Nhận xét và khuyến cáo:

Lượng mưa trung bình của các khu vực nằm ngoài công trình thủy lợi cao hơn lượng mưa TBNN 35,2%, cao hơn 462,8% so với năm có lượng mưa nhỏ nhất. Như vậy, khả năng rủi ro hạn hán thiếu nước đối với các vùng sản xuất thấp.

3. Tổng hợp thông tin hạn hán:

Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
Tổng cộng	Lúa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
9.185,6	6.363,0	2.822,6					

III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ kết quả dự báo nguồn nước đến ngày 23/5/2019 cho thấy tổng dung tích trữ trong các hồ chứa đạt 60,9 triệu m³ (chiếm 16,2% so với dung tích trữ thiết kế). Nguồn nước tại 21/21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai (vùng Đông Nam Bộ) có khả năng đáp ứng đủ 100% cho sản xuất nông nghiệp và cấp nước theo nhiệm vụ thiết kế. Vì vậy, kế hoạch sử dụng nước tại các hồ thủy lợi đến ngày 23/5/2019 không thay đổi.

Trên cơ sở bản tin dự báo nguồn nước của 21 hồ chứa trên lưu vực dòng chính sông Đồng Nai-vùng Đông Nam Bộ, các địa phương cần tiếp tục theo dõi các bản tin dự báo hàng tuần tiếp theo và phản hồi những diễn biến bất thường về thời tiết, kế hoạch sản xuất, quản lý vận hành công trình hồ chứa tới Tổng cục Thủy lợi và Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam để kịp thời cập nhật tin dự báo.

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày 24/5/2019 (tuần sau)/.

Nơi nhận:

- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Lãnh đạo Tổng cục Thủy lợi (để b/c);
- Các Cục, Vụ liên quan thuộc TCTL (để b/c);
- Cục Trồng trọt (Phòng CLT);
- Website TCTL, website Viện QHTLMN (để đăng tin);
- Lưu VT.

VIỆN TRƯỞNG